

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

(Bán niên 2023)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

NAV ngày 30/06/2022 (VNĐ)	NAV ngày 30/06/2023 (VNĐ)
114.347.726.661	120.403.919.940

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 5,30% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng)	99.944.190.800
Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ)	9.994.419,08

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 9.994.419,08 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 99.944.190.800 VNĐ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**1. Cơ cấu tài sản quỹ:**

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2023 (%)	30/06/2022 (%)	30/06/2021 (%)
1. Trái phiếu chưa niêm yết	0	8,73	
2. Tiền gửi ngân hàng	1,16	1,02	1,19
3. Các khoản tương đương tiền	0	0	0
4. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	83,71	87,96	82,11
5. Chứng chỉ tiền gửi	10,77	0	13,56
6. Khác	4,36	2,29	3,14
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/06/2023	30/06/2022	30/06/2021
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	120.403.919.940	114.347.726.661	110.305.485.761
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	9.994.419,08	10.004.219,08	10.006,827,21
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ)	12.047,11	11.429,95	11.023,02
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	12.047,11	11.429,95	11.023,02
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	11.699,38	11.223,00	10.799,18
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A (*)
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A (*)
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	N/A (*)	N/A (*)	N/A (*)
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước.	5,40	3,69	4,58
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	0,00	0,00	0,00
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước.	5,40	3,69	4,58
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	N/A (**)	N/A (**)	N/A (**)
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	N/A (**)	N/A (**)	N/A (**)
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	N/A (**)	N/A (**)	N/A (**)
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,96	2,01	2,06
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	0	0	13,70

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	5,40	5,40
- 3 năm	14,31	4,56
- Từ khi thành lập	20,47	4,49
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	21,27% (***)	5,03%

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/06/2023 (%)	30/06/2022 (%)	30/06/2021 (%)	30/06/2020 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	5,40	3,69	4,58	4,82

Ghi chú:

N/A (*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

N/A (**): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

(***): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế Vĩ mô:

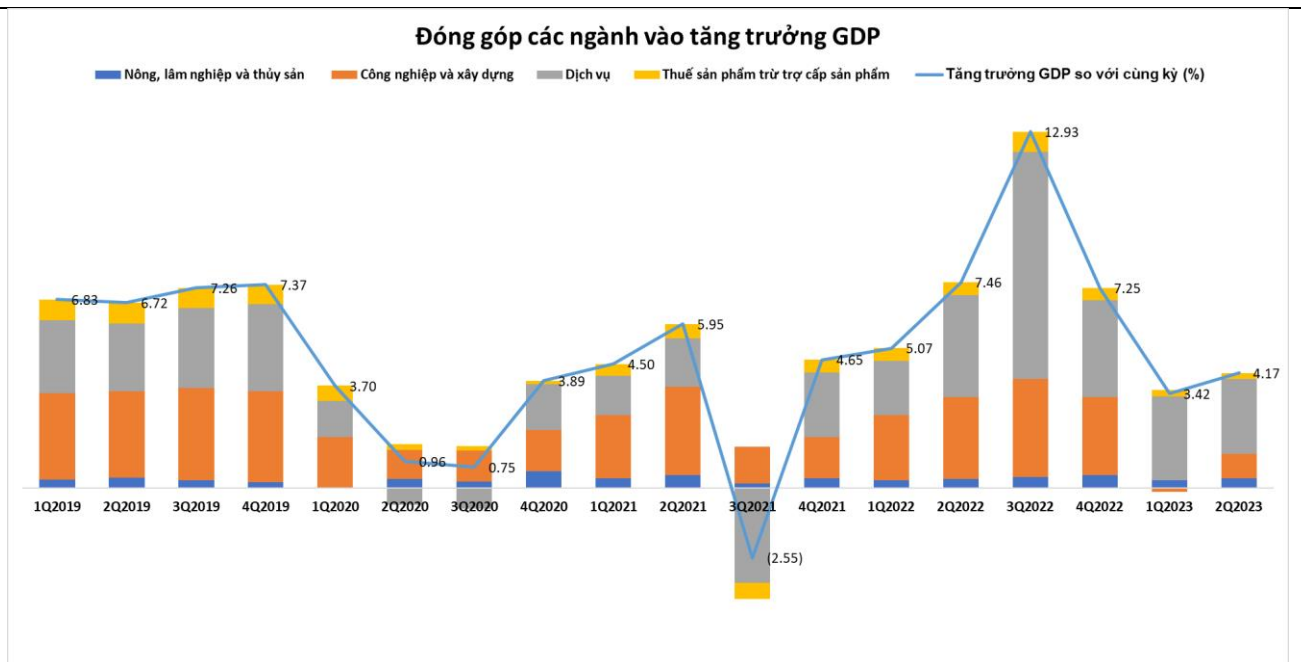
Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

GDP 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,72%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,07%, đóng góp 9,28%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,13%, đóng góp 11,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 78,85%. Trong đó:

- Nông nghiệp: Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,43% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,77%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm.
- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023, đóng góp 0,15 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,37%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,79%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 1,43%, làm giảm 0,05 điểm phần trăm trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng tăng 4,74%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,07%, 2,54% và 4,19% của cùng kỳ các năm 2011, 2012, 2022 trong giai đoạn 2011-2023, đóng góp 0,31 điểm phần trăm.
- Các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh đã góp phần duy trì tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ 6

tháng đầu năm 2023 tăng 6,33% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 1,18% và 4,53% của cùng kỳ các năm 2020 và năm 2021. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,49% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,88 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 7,18%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,13%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 15,14%, đóng góp 0,37 điểm phần trăm.

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo từng quý qua các năm



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

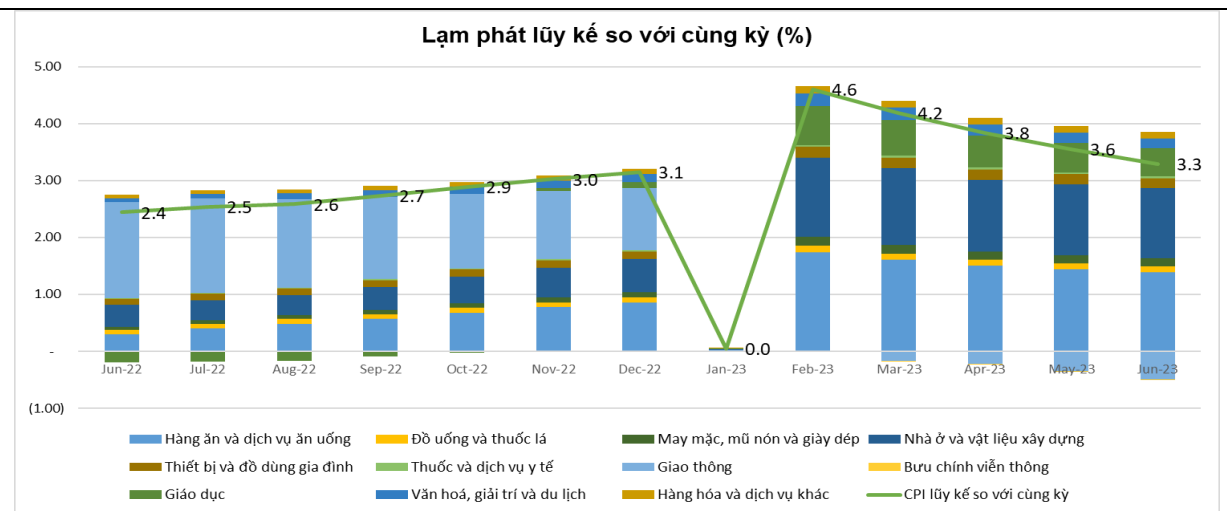
Lạm phát

Về sức cầu trong nước, dữ liệu ước tính sơ bộ từ Tổng cục Thống kê cho thấy doanh số bán lẻ nửa đầu năm 2023 (+10,9% YoY theo số danh nghĩa và 8,9% YoY theo số thực tế) có xu hướng giảm dần qua từng tháng trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu yếu đi khiến nhu cầu tiêu dùng chậm lại.

Lạm phát toàn phần tháng 6 tăng 0,27% so với tháng trước đến từ giá thịt lợn tăng gần đây (+3,16%) và việc tăng giá điện dần thể hiện trong hóa đơn hộ gia đình. Tuy nhiên, lạm phát toàn phần vẫn có xu hướng giảm, xuống còn 3,29% YoY trong 6 tháng đầu năm, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4,5% YoY của chính phủ. Về lạm phát lõi, chúng ta vẫn thấy mức tăng 4,74% so với cùng kỳ năm ngoái do chi phí lưu trú cao.

Lạm phát cơ bản vẫn ở mức cao. Trong khi chính phủ phản ứng khá tích cực với các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng, chúng tôi tin rằng chính sách tiền tệ đóng vai trò chủ chốt, do đó tác động đến lạm phát có thể sẽ có diễn biến tiêu cực trong năm sau.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam trong 12 tháng gần nhất



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 8,8 tỷ USD, tăng 99,5% so với cùng kỳ năm 2022; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 12,9 tỷ USD (trong đó đã tính trong phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 3,8 tỷ USD), giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước. Nhập siêu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 là 4,1 tỷ USD.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 152,2 tỷ USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm 2023 có 28 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 84,4% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 38,1%).

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 44,2 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 50,1 tỷ USD.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 37,2 tỷ USD giảm 24,9% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU ước đạt 14,5 tỷ USD, giảm 9,8%; xuất siêu sang Nhật Bản 1,2 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,7 tỷ USD); nhập siêu từ Trung Quốc 24,5 tỷ USD, giảm 30,9%; nhập siêu từ Hàn Quốc 13,4 tỷ USD, giảm 34,8%; nhập siêu từ ASEAN 4 tỷ USD, giảm 39,1%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 12,25 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,2 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,81 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 22,06 tỷ USD.

Hoạt động đầu tư

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.357,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện của khu vực nhà nước tăng 12,6% cho thấy sự quyết tâm nỗ lực của Chính phủ, bộ ngành và địa phương trong việc quyết liệt đẩy mạnh thực hiện nguồn vốn đầu tư công nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cả trong ngắn hạn và dài hạn.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 13,4 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 10,02 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường chứng khoán:

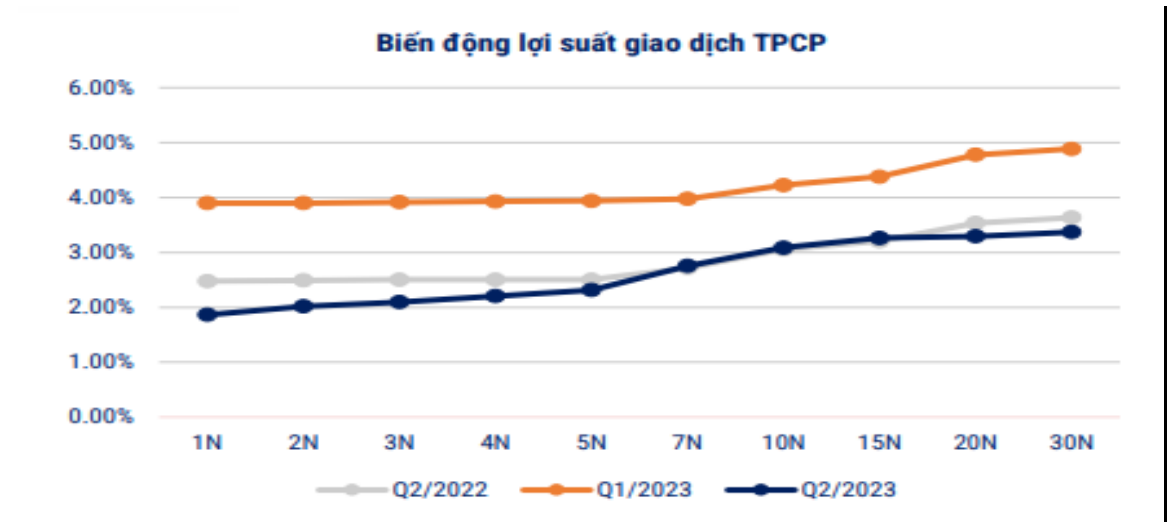
Thị trường chứng khoán Quý 2/2023 có diễn biến lên xuống liên tục với các nhịp tăng giảm ngắn hạn xen, VNIndex đóng cửa tăng 5,2% so với cuối Quý 1/2023. Kết thúc nửa đầu năm 2023, VNIndex đóng cửa với mức tăng 11,2% so với cùng kỳ, trong khi giá trị giao dịch giảm 44,6% so với cùng kỳ. Thị

trường có biến động tương quan chặt chẽ với diễn biến mặt bằng lãi suất tiền gửi của nhóm ngân hàng quốc doanh, và được hỗ trợ bởi kỳ vọng xu hướng hạ lãi suất tiếp diễn trong thời gian tới.

Thị trường trái phiếu

Tháng đầu năm, Kho bạc phát hành 179,892 tỷ đồng, hoàn thành 44.97% kế hoạch năm 2023. Tốc độ phát hành đã chậm lại trong Quý 2, tuy nhiên tổng khối lượng phát hành trong 6 tháng đầu năm vẫn ở mức khá tốt. Tăng trưởng đầu tư công có tín hiệu tích cực. Do đó, áp lực phát hành trong thời gian tới của Kho bạc Nhà nước mặc dù không quá lớn nhưng có thể vẫn sẽ tăng nếu đầu tư công có bứt phá. Dự báo, thời gian tới Kho bạc Nhà nước sẽ tiếp tục cân đối khối lượng phát hành phù hợp với khả năng hấp thụ của thị trường với mức trung bình quanh 5.000 – 6.000 tỷ đồng mỗi phiên, có thể tổ chức phiên phát hành bổ sung nếu thị trường có nhu cầu.

Hình 2: Đường cong lợi suất



Nguồn: VBMA

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

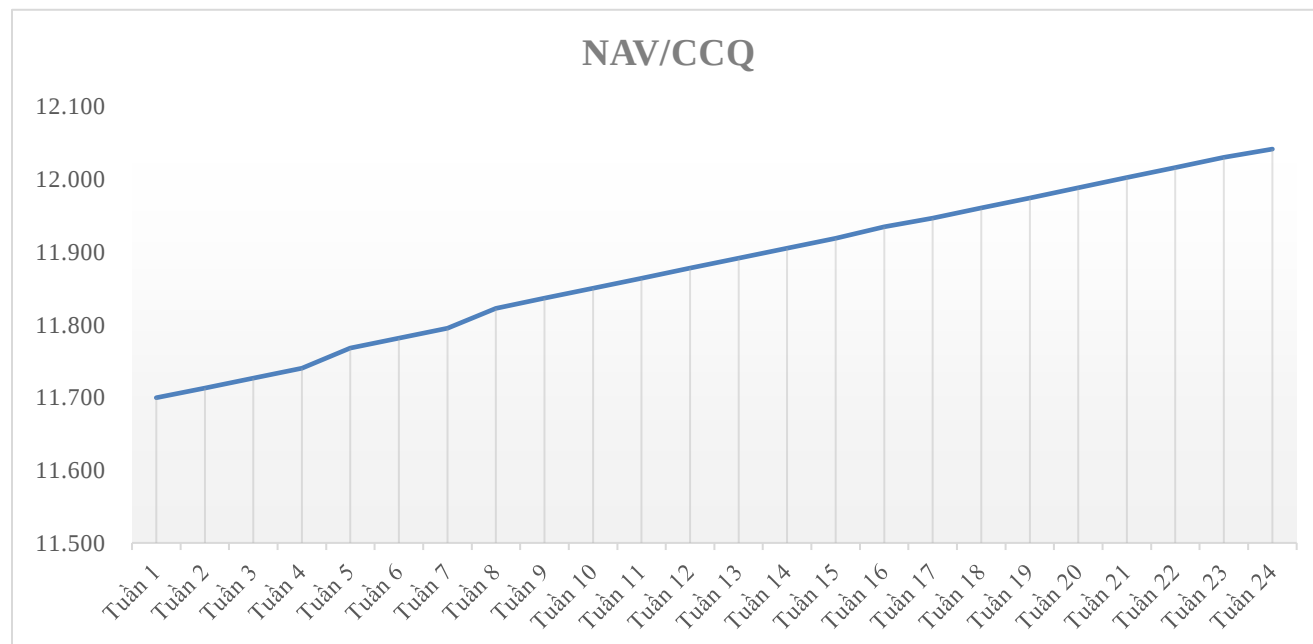
Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	5,40	14,24	33,35
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	0,00	0,00	0,00
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	5,40	14,24	33,35
Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ	5,40	4,56	4,49
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/A (1)	N/A (1)	N/A (1)
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/A (2)	N/A (2)	N/A (2)

Ghi chú:

N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.

N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/06/2023	30/06/2022	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	3= ((1) - (2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	120.403.919.940	114.347.726.661	5,30%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.047,11	11.429,95	5,40%

Trong giai đoạn từ 30/06/2022 đến 30/06/2023 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 5,30% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	118	29.829,24	0,30%
Từ 5.000 - 10.000	1	5.100,00	0,05%

Từ 10.000 đến 50.000	0	0	0,00%
Từ 50.000 đến 500.000	-	-	0,00%
Trên 500.000	1	9.959.489,84	99,65%
Tổng cộng	120	9.994.419,08	100,00%

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong bối cảnh nhu cầu trong nước và quốc tế suy giảm, tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm duy trì ở mức thấp so với trung bình nhiều năm. Ở chiều ngược lại, Chính phủ đang tìm cách giảm chi phí vốn cũng như tăng vòng quay tiền trong nền kinh tế. Do đó, thanh khoản hệ thống ngân hàng dự báo sẽ dư thừa cho đến cuối Quý 3/2023 khi nhu cầu tín dụng bắt đầu tăng trở lại. Chúng tôi dự báo lãi suất thị trường liên ngân hàng và thị trường tín dụng cũng sẽ điều chỉnh theo hướng giảm và duy trì ở mức thấp cho đến hết Quý 3/2023. Đầu Quý 4/2023 có thể là thời điểm lãi suất tăng trở lại nhờ nhu cầu tín dụng phục vụ sản xuất và cung tiền ngoại sinh bị suy giảm do nhu cầu nhập khẩu thanh toán bằng tiền USD gia tăng.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ CBPF sẽ tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng, tìm kiếm các cơ hội từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp thứ cấp cũng như tận dụng các đợt gia tăng của lãi suất trong giai đoạn cuối năm.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Bùi Thanh Hiệp	Chủ tịch Công ty	CPA	Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam Từ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam Từ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN Từ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam Từ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam Từ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam Từ 06/2019 - 12/2021: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life Từ 12/2021- nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.
Đặng Thị Hồng Loan	Giám đốc Công ty	CFA	Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam Từ 12/2019 - nay: Giám đốc cấp cao - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life

Ban đại diện quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch	Cử nhân	Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu - Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC Từ 2015 - 2022: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB Từ 4/2022 – nay: Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán KAFI

Nguyễn Trọng Đức	Thành viên	Thạc sỹ	Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam. Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam Từ 6/2018 - 2019: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.
Trần Việt Hương	Thành viên	Luật sư	Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân

Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Cử nhân	Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông. Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam. Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge. Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB. Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.

Đinh Thị Hong Vân	Thành viên	Cử nhân	Từ 09/2011-12/2011: Nhân viên phân tích tài chính – Công ty CP Đầu tư Long Quân. Từ 01/2012-01/2020: Nhân viên phân tích đầu tư - Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Long. Từ 02/2020 – 09/2020: Phó Giám đốc Tài chính – Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV Từ 09/2020 đến nay: Giám sát cấp 2 - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.
----------------------	---------------	---------	--

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE
Chủ tịch Công ty

Bùi Thanh Hiệp